

Số: 384/QĐ-TSN

Tân Phú, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025
của Trường Tiểu học Tân Sơn Nhì

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN SƠN NHÌ

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước,

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách Trường Tiểu học Tân Sơn Nhì năm 2025 (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Hình thức công khai: niêm yết tại Phòng Hội đồng Trường Tiểu học Tân Sơn Nhì; gửi trực tiếp cho phòng Tài chính-Kế hoạch quận Tân Phú; đăng trên trang web trường.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Hội đồng trường;
- Phòng TC-KH Q.TP;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Lý Bích Chiêu

Biểu số 2, Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN SƠN NHÌ**

Chương: 622



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 384/QĐ-TSN ngày 31/12/2024 của Trường Tiểu học Tân Sơn Nhì)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán được giao
1			2	3
A			Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I			Số thu phí, lệ phí	
II			Chi từ nguồn thu phí được để lại	
<i>1</i>			<i>Chi sự nghiệp.....</i>	
<i>2</i>			<i>Chi quản lý hành chính</i>	
III			Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
<i>1</i>			<i>Lệ phí</i>	
<i>2</i>			<i>Phí</i>	
B			Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.435.000.000
I			Nguồn ngân sách trong nước	17.435.000.000
3			Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.435.000.000
3.1			<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>	<u>9.945.000.000</u>
<u>1</u>			KINH PHÍ CÂN ĐỐI TỪ NGUỒN CCTL CỦA NGÂN SÁCH TP ĐỂ THỰC HIỆN TĂNG LƯƠNG	3.317.000.000
	Nhóm I: Thanh toán cá nhân			3.317.000.000
	6000		Lương	1.880.240.000
		6001	Lương theo ngạch bậc được duyệt	1.880.240.000
	6100		Phụ cấp lương	933.360.000
		6101	Phụ cấp chức vụ	36.720.000
		6107	Phụ cấp độc hại	2.040.000
		6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	658.000.000
		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	10.200.000
		6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	225.000.000
		6116	Phụ cấp đặc biệt	1.400.000
	6300		Các khoản đóng góp	503.400.000
		6301	Bảo hiểm xã hội	375.000.000
		6302	Bảo hiểm y tế	64.200.000
		6303	Kinh phí công đoàn	42.800.000

Số TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán được giao
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp	21.400.000
<u>2</u>			KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG	6.628.000.000
	Nhóm I: Thanh toán cá nhân			5.837.990.000
	6000		Lương	3.296.459.000
		6001	Lương theo ngạch bậc được duyệt	3.296.459.000
	6100		Phụ cấp lương	1.659.060.000
		6101	Phụ cấp chức vụ	64.368.000
		6107	Phụ cấp độc hại	3.576.000
		6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.153.720.000
		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	17.880.000
		6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	394.484.000
		6116	Phụ cấp đặc biệt	25.032.000
	6300		Các khoản đóng góp	882.471.000
		6301	Bảo hiểm xã hội	657.159.000
		6302	Bảo hiểm y tế	112.656.000
		6303	Kinh phí công đoàn	75.104.000
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp	37.552.000
	Nhóm II: Chi về hàng hóa dịch vụ			470.510.000
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	238.510.000
		6501	Thanh toán tiền điện	193.510.000
		6502	Thanh toán tiền nước	10.000.000
		6503	Thanh toán tiền nhiên liệu	5.000.000
		6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	30.000.000
	6550		Vật tư văn phòng	110.000.000
		6551	Văn phòng phẩm	70.000.000
		6599	Vật tư văn phòng khác	40.000.000
	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	44.000.000
		6601	Cước phí điện thoại trong nước	12.000.000
		6605	Thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng	18.500.000
		6606	Tuyên truyền	3.500.000
		6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, Sách, báo, tạp chí thư viện	5.000.000
		6649	Khác	5.000.000
	6700		Công tác phí	12.000.000
		6704	Khoản công tác phí	12.000.000
	6750		Chi phí thuê mướn	66.000.000

Số TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán được giao
		6751	Thuê phương tiện vận chuyển	4.000.000
		6754	Thuê thiết bị các loại	12.000.000
		6757	Thuê lao động trong nước	30.000.000
		6799	Chi phí thuê mướn khác	20.000.000
	Nhóm III: Mua sắm và sửa chữa, chuyên môn			294.500.000
	6900		Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	167.000.000
		6905	Thiết bị phòng cháy, chữa cháy	10.000.000
		6907	Nhà cửa	87.000.000
		6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	10.000.000
		6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	20.000.000
		6921	Đường điện, cấp thoát nước	20.000.000
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	20.000.000
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	127.500.000
		7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho CM của từng ngành	25.000.000
		7004	Đồng phục, trang phục	7.500.000
		7012	Chi hoạt động chuyên môn	75.000.000
		7049	Chi khác cho chuyên môn	20.000.000
	Nhóm IV : Các khoản chi khác			25.000.000
	7750		Chi khác	25.000.000
		7761	Chi tiếp khách	10.000.000
		7799	Chi các khoản khác	15.000.000
3.2			<u>Kinh phí không nhiệm vụ thường xuyên</u>	<u>7.490.000.000</u>
2			KINH PHÍ CÂN ĐỐI TỪ NGUỒN CCTL CỦA NGÂN SÁCH TP ĐỂ THỰC HIỆN NQ 08/2023/QH-HĐND, TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ, TĂNG LƯƠNG THEO LỘ TRÌNH	5.715.000.000
3			KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG	1.775.000.000
	Nhóm I: Thanh toán cá nhân			1.290.000.000
	6100		Phụ cấp lương	626.000.000
		6105	Phụ cấp làm thêm giờ	626.000.000
	6200		Tiền thưởng	503.000.000
		6201	Thưởng thường xuyên theo định mức	503.000.000
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	161.000.000
		6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	161.000.000
			- Hỗ trợ gv dạy trẻ hòa nhập khuyết tật	62.000.000
			- Hỗ trợ NV y tế theo QĐ 06/2015	5.400.000

Số TT	Mục	Tiêu mục	Nội dung	Dự toán được giao
			- Hỗ trợ tết	93.600.000
	Nhóm III: Mua sắm và sửa chữa, chuyên môn			475.000.000
	6900		<i>Sửa chữa thường xuyên TSCĐ</i>	<i>150.000.000</i>
		6907	Nhà cửa	150.000.000
	6950		<i>Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn</i>	<i>325.000.000</i>
		6956	Máy vi tính	300.000.000
		6999	Máy bơm nước	25.000.000
	Nhóm IV : Các khoản chi khác			10.000.000
	7757		<i>Chi bảo hiểm cháy nổ</i>	<i>10.000.000</i>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ**

Số: 5346/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân Phú, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5342/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 3171/TCKH ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách năm 2025 cho Ủy ban nhân dân 11 phường, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị khối hỗ trợ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu dự toán chi năm 2025 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục: (Phụ lục đính kèm).

Tổng dự toán chi: 1.061.147.000.000 đồng.

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2025 được giao, các đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2025 như sau:

- Một phần nguồn thu được để lại theo chế độ năm 2025 của các cơ quan, đơn vị.

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2024 còn dư chuyển sang (nếu có).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện công khai và báo cáo Ủy ban nhân dân quận và Phòng Tài chính - Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Thủ trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận trong việc đảm bảo thực hiện đúng chỉ tiêu được giao.

Các đơn vị thực hiện nghiêm việc xác định nguồn, nhu cầu và chi trả kinh phí thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tân Phú và Thủ trưởng các đơn vị có tên nêu ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Sở Tài chính;
 - UBND/Q (CT, các PCT);
 - VP.UBND/Q (CVP, các PVP);
 - KBNN Tân Phú;
 - P.TCKH;
 - THND;
 - Lưu: VT, P.TCKH.
- (Đính kèm Phụ lục)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trần Phú

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN SƠN NHÌ

Mã đơn vị quan hệ với ngân sách: 1032626

Mã Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch: 0135

Chương 622

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 23 / 12 / 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú)

ĐVT: Đồng

Nội dung	Mã loại	Mã khoản	Mã nguồn ngân sách Nhà nước	Dự toán (rút dự toán)
Dự toán chi ngân sách Nhà nước (Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo)				17.435.000.000
1. Kinh phí thường xuyên	070	072	13	9.945.000.000
+ Kinh phí chi trả lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, các khoản chi hoạt động của đơn vị				6.628.000.000
+ Cân đối từ nguồn CCTL của ngân sách Thành phố để thực hiện tăng lương.				3.317.000.000
2. Kinh phí không thường xuyên	070	072		7.490.000.000
+ Kinh phí chính sách giáo dục (Tết nguyên đán, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho đối tượng chính sách, thêm giờ, dạy học nhập khuyết tật...)			12	787.000.000
+ Kinh phí khác (bảo hiểm cháy nổ, mua sắm, sửa chữa...)			12	485.000.000
+ Tiền khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP			18	503.000.000
+ Cân đối từ nguồn CCTL của ngân sách Thành phố phân bổ để thực hiện Nghị quyết 08/2023/NQ - HĐND, tình giảm biên chế, tăng lương theo lộ trình...			14	5.715.000.000

*Ghi chú:

Cân đối từ nguồn CCTL của đơn vị để thực hiện Nghị quyết 08/2023/NQ - HĐND, tình giảm biên chế, tăng lương...

1.918.000.000 đồng

